

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
1.	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc khai thác	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
2.	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
3.	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
4.	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
5.	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
6.	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
7.	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	09 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc	
8.	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	09 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc	
9.	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
10.	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
11.	1,000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
12.	2,002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
13.	2,002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
14.	1,002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
15.	1,002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
16.	1,001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
17.	1,002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
18.	1,002856	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
19.	1,001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
20.	1,001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
21.	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
22.	2,002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
23.	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
24.	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
25.	1.000672	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
26.	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
27.	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
28.	1.001.751	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
29.	1.001.765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	08 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
30.	1.004.993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
31.	1.001.777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp giấy phép xe tập lái	Cấp Giấy phép đào tạo: 10 ngày. Cấp Giấy phép xe tập lái: 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.	Cấp Giấy phép đào tạo: 05 ngày. Cấp Giấy phép xe tập lái: 0,5 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.	
32.	1.005210	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
33.	1.001623	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
34.	2,000769	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
35.	1.010.702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
36.	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
37.	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
38.	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sơ TAD	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
39.	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
40.	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	- 01 ngày làm việc. theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm. - 02 ngày làm việc. theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A; Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm;	- 01 ngày làm việc. theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại E; Giấy phép vận tải loại F, G lần đầu trong năm. - 02 ngày làm việc. theo quy định đối với trường hợp cấp Giấy phép vận tải loại A; Giấy phép vận tải loại B, C lần đầu trong năm; cấp Giấy	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			cấp Giấy phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm	phép vận tải loại B, C, F, G lần thứ hai trở đi trong năm	
41.	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	- 01 ngày làm việc. theo quy định đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước. - 02 ngày làm việc. theo quy định đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.	- 01 ngày làm việc. theo quy định đối với các tuyến vào sâu trong lãnh thổ của hai nước. - 02 ngày làm việc. theo quy định đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước thuộc địa phận quản lý.	
42.	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
43.	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
44.	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
45.	1.000321	Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
46.	1,000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Trường hợp nộp trực tiếp: 01 ngày làm việc; Trường hợp nộp trực tuyến và qua BCCI: 03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc (nộp trực tuyến và qua BCCI)	
47.	2,001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
48.	1,013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	09 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc	
49.	1,013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận	01 ngày đối với đám tang, không quá 2,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			hồ sơ	sơ	
50.	<u>1,005024</u>	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
51.	<u>1,005021</u>	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
52.	1,000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
53.	1.001666	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	05 Ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
54.	1.001692	Cấp chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
55.	1.001725	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
56.	1.001717	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
57.	1.013277	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
II	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
58.	1,009459	Công bố mở luồng chuyên dùng đối với luồng địa phương	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
59.	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
60.	1,009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
61.	2,002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
62.	2,002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
63.	2,002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
64.	1,002771	Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm	Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm. - Không quá 24	Chậm nhất 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm. - Không quá 24	50% với tài sản chìm đắm không gây nguy hiểm

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm. - Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà	giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm. - Không quá 48 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu, tài sản chìm đắm thuộc sở hữu nhà	
65.	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
66.	1.001223	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	09 ngày làm việc.	4,5 ngày làm việc	
67.	1.000940	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
68.	1.007949	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động	04 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
69.	1.000892	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	07 ngày	3,5 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
70.	2.000378	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
71.	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	20 ngày	10 ngày	
72.	1.001870	Đổi tên cảng cạn	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
73.	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
74.	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
75.	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
76.	2.002001	cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
77.	2.001998	cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương	- 05 ngày làm việc đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng - 07 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo	- 2,5 ngày làm việc đối với cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng - 3,5 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo	
78.	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	10 ngày làm việc.	05 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
79.	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
80.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
81.	1,004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
82.	1,004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
83.	2,001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
84.	1,004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
85.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
86.	1,006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
87.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
88.	2,001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
89.	2,000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	09 ngày làm việc	4,5 ngày làm việc	
90.	1,009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
91.	1,009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
92.	1,009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
93.	1,009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
94.	1,009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
95.	1,009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không có nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
96.	1,004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
97.	1,000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
98.	1,009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
99.	1,009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
100.	1,009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
101.	1,009445	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
102.	1,009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
103.	1,009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
104.	1,009448	Thỏa thuận thiết lập khu neo đậu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
105.	1,009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
106.	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
107.	1,009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
108.	2,001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
109.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	
110.	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định	Không quá 30 phút giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
111.	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định	30 phút, kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định	
III	LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT				
112.	1.004691	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
113.	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
114.	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
115.	1.004883	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
116.	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
117.	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	- 03 ngày làm việc trong trường hợp chuyển quyền sở hữu; phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu; bị hư hỏng;	- 1,5 ngày làm việc trong trường hợp chuyển quyền sở hữu; phương tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu; bị hư hỏng;	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			- 30 ngày làm việc trong trường hợp bị mất	- 15 ngày làm việc trong trường hợp bị mất	
118.	1.005075	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
119.	1.005126	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
120.	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
121.	1.005058	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
122.	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
123.	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
IV	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN				
124.	1,012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
125.	1,012904	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
126.	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	20 ngày	10 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
127.	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
128.	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
129.	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
130.	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Không quá 15 ngày.	7,5 ngày	
131.	1,012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
132.	1,012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại chứng chỉ do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
133.	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Trường hợp chứng chỉ cũ bị hết hạn hoặc sắp hết hạn)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
V	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ				
134.	1.013769	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Không quá 30 ngày	15 ngày làm việc	
135.	1,012883	Thủ tục chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở	45 ngày	22,5 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh			
136.	1,012885	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	35 ngày	17,5 ngày	
137.	1,012886	Thủ tục điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	35 ngày	17,5 ngày	
138.	1,012887	Thủ tục đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	50 ngày	25 ngày	
139.	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	30 ngày	15 ngày	
140.	1,012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	30 ngày	15 ngày	
141.	1,012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	30 ngày	15 ngày	
142.	1,012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	45 ngày	22,5 ngày	
143.	1,012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	50 ngày	25 ngày	
144.	1,012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước	30 ngày	15 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công			
145.	1.012882	Thủ tục thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	15 ngày.	7,5 ngày	
146.	1.012884	Thủ tục thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	30 ngày.	15 ngày	
147.	1.012895	Thủ tục thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	30 ngày.	15 ngày	
148.	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	10 ngày hoặc 30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Không quá 15 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ do đơn vị quản lý vận hành nhà ở cung cấp	05 ngày hoặc 15 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Không quá 7,5 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ do đơn vị quản lý vận hành nhà ở cung cấp	
149.	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Không quá 10 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận	Không quá 05 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Không quá 05 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ do đơn vị quản lý vận hành nhà ở cung cấp	hành tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ; Không quá 2,5 ngày kể từ ngày Sở Xây dựng tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ do đơn vị quản lý vận hành nhà ở cung cấp	
150.	3.000.506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	-Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025: 22 ngày. Trường hợp dự án do cơ quan nhà	-Trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025: 11 ngày. Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			nước có thẩm quyền lập, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025: 52 ngày.	quyền lập, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025: 26 ngày.	
151.	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	- Trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án: 37 ngày	- Trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án: 18,5 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: 52 ngày	Trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: 26 ngày	
152.	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư	37 ngày	18,5 ngày	
VI	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG				
153.	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định (bao gồm 20 ngày quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp và 10 ngày cấp thẻ giám định viên tư pháp).	15 ngày	
154.	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định.	05 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
VII	QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG				
155.	1.009788	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	07 ngày	
156.	1.009791	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày kể từ khi nhận được báo cáo kết quả thực hiện công việc tổ chức kiểm tra, kiểm định của Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình.	07 ngày	
157.	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	20 ngày	10 ngày	
VIII	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
158.	1.013223	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	14 ngày	07 ngày	
159.	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	25 ngày	12,5 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
160.	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
161.	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	45 Ngày - Trả kết quả đánh giá hồ sơ (thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ/không đủ điều kiện sát hạch, thông báo thời điểm tổ chức thi sát hạch): 45 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ. 10 Ngày - Trả chứng chỉ hành nghề (cá nhân đạt sát hạch): 10 ngày kể từ ngày sát hạch.	22,5 ngày	
162.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I;	- Không quá 20 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I;	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			- Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	- Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 10 ngày đối với công trình còn lại.	
163.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, - Dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, - Dự án nhóm C không quá 7,5 ngày.	
164.	1.013236	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ	10 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 05 ngày kể từ ngày hết thời	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			ngày hết thời hạn quy định.	hạn quy định.	
165.	1.013238	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	
166.	1.013230	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ	10 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 05 ngày kể từ ngày hết thời	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			ngày hết thời hạn quy định	hạn quy định	
167.	1.013231	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	10 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định	
168.	1.013233	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	05 ngày làm việc.	2,5 ngày làm việc	
169.	1.013235	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa,	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)			
170.	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày.	10 ngày	
171.	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	20 ngày	10 ngày	
IX	LĨNH VỰC THUẾ				
172.	3.000252	Xác định xe kinh doanh vận tải thuộc doanh nghiệp tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên	04 ngày làm việc	2 ngày làm việc	
173.	3.000254	Đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	02 ngày làm việc	1 ngày làm việc	
174.	3.000255	Xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	11 ngày làm việc (Tại Sở 10 ngày, đăng kiểm 01 ngày)	5,5 ngày làm việc	
175.	3.000253	Đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
176.	3.000251	Xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
X	LĨNH VỰC DU LỊCH				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
177.	1.011272	Cấp biển hiệu ô tô vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa	01 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; 3,5 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa	
178.	1.011278	Cấp đổi biển hiệu ô tô vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; 07 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa	01 ngày làm việc đối với phương tiện là xe ô tô; 3,5 ngày làm việc đối với phương tiện thủy nội địa	
179.	1.011276	Cấp lại biển hiệu ô tô vận tải khách du lịch	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
XI	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM				
180.	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng	- Tiếp nhận hồ sơ: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh giá thực tế: 7,5 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	nhận: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	
181.	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ	- Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: + Tiếp nhận hồ sơ: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 7,5 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	
182.	1.001322	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	- Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh	- Tiếp nhận hồ sơ: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Kiểm tra, đánh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	giá thực tế: 7,5 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). - Cấp Giấy chứng nhận: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu	
183.	1.001296	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại	Trường hợp cấp lại do giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			văn đảm bảo điều kiện hoạt động: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh	văn đảm bảo điều kiện hoạt động: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị. - Trường hợp cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí (địa điểm); tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: + Tiếp nhận hồ sơ: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. + Kiểm tra, đánh	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	giá thực tế: 7,5 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ). + Cấp Giấy chứng nhận: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu.	
184.	1.001131	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện nhập khẩu	- Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km: 01 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường; - Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo: 02 ngày, kể từ khi	- Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km: 0,5 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường; - Đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo: 01 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			kết thúc kiểm tra tại hiện trường.	trường	
185.	1.005091	Cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa	- Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc dưới 70 km: 01 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường; - Đối với việc kiểm tra sản phẩm công nghiệp cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biên, đảo: 02 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường.	0,5 ngày	
186.	1.001284	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	Tối đa 01 ngày, đối với phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70km và 02 ngày	Tối đa 0,5 ngày, đối với phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70km và 01 ngày đối với	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			đối với phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70km trở lên	phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70km trở lên	
187.	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật, an toàn lao động thiết bị xếp dỡ trong khai thác sử dụng	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
188.	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu hoặc Tem kiểm định lần đầu thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất: trong ngày làm việc - Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định bị mất (không thuộc trường hợp trên), hư hỏng, rách: 1 ngày làm việc. - Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thông tin sai khác so với hồ sơ	0,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			phương tiện của xe do đơn vị đăng kiểm in sai: 1 ngày làm việc		
189.	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	01 ngày làm việc	0,5 ngày làm việc	
190.	1.013.092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: 1 ngày làm việc; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để	- Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: 0,5 ngày làm việc; - Trường hợp tem kiểm định bị mất hoặc tem kiểm định và giấy chứng nhận bị mất: Sau 7,5 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo, nếu tem kiểm định không được tìm thấy, chủ xe mang theo giấy tiếp nhận thông tin báo mất tem kiểm định tới cơ sở đăng kiểm để	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			được cấp lại giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.	nhận kiểm định và tem kiểm định trong ngày.	
191.	1.013.097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Trường hợp Giấy chứng nhận cải tạo bị mất, hỏng, sai thông tin: 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm; - 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác. - Trường hợp giấy chứng nhận xe cơ giới cải tạo có thời hạn theo các quy định của pháp luật: ngay trong	- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm 0,5 ngày làm việc - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 1,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu		
192.	1.013101	Kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	01 ngày làm việc trường hợp nhận đủ hồ sơ	0,5 ngày làm việc	
193.	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm 01 ngày làm việc - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc	- Kiểm định tại đơn vị đăng kiểm 0,5 ngày làm việc - Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 1,5 ngày làm việc	
194.	1.013205	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ	Thời hạn kiểm tra, đánh giá hồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định. + Trường hợp kiểm	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			chối kiểm định. + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.	định ngoài đơn vị đăng kiểm: trường hợp hồ sơ đầy đủ, xe không bị từ chối kiểm định, tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn. - Thời hạn trả kết quả: + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá; + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 1,5 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
195.	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (hồ sơ đầy đủ theo quy định); - Cấp Giấy chứng nhận: + Trường hợp xe phải lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. + Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
XII	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT				
196.	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	10 ngày	5 ngày	
XIII	LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC				
197.	1.008432	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15 ngày	7,5 ngày	
198.	1.002701	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
199.	1.003011	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
200.	1,008991	Thủ tục gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
201.	1.008990	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
202.	1,008989	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất; hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
203.	1,008891	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
204.	1,008992	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
205.	1,008993	Thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
XIV	LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH				
206.	1,011708	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
207.	1,011705	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (không kể thời gian khắc phục các nội dung trong biên bản đánh giá thực tế của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	10 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
208.	1.011710	Cấp bổ sung; sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ; tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
209.	1,011711	Bổ sung; sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi; bổ sung; sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	20 ngày (không kể thời gian khắc phục của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	10 ngày	
XV	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG				
210.	1.006871	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
XVI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN				
211.	3.000424	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với tài sản KCHT đường sắt	30 ngày	15 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
212.	3.000.425	Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác. (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	30 ngày	15 ngày	
213.	3.000.426	Cho thuê quyền khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị. (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
214.	3.000.428	Thu hồi tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị. (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
215.	3.000.429	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị... (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
216.	3.000.430	Chuyển giao tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị về địa phương quản lý, xử lý... (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
217.	3.000.431	Thanh lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị....(đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
218.	3.000.432	Xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	30 ngày	15 ngày	
219.	3.000.433	Thanh toán chi phí từ việc xử lý tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị.... (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	
220.	3.000.434	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị)	30 ngày	15 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
221.	1011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	75 ngày	37 ngày	
XVII	LĨNH VỰC HẢI QUAN				
222.	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	10 ngày	5 ngày	
XVIII	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG				
223.	3.000161	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	25 ngày	12,5 ngày	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY				
1.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
2.	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
3.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
4.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
5.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
6.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
7.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
8.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
9.	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
10.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
11.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
12.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
13.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
14.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
15.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
16.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
17.	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
18.	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
19.	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
20.	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
21.	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
22.	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
23.	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
24.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
25.	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	03 giờ	03 giờ	
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
26.	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	01 ngày đối với đám tang, không quá 2,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	
27.	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	7 Ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
28.	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cô động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
29.	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
30.	1.013225	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài,	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
		tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	nhà ở riêng lẻ.	nhà ở riêng lẻ..	
31.	1.013229	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ..	
32.	1.013232	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	
33.	1.013226	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
			cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.		
34.	1.013227	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
35.	1.013228	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
36.	1,013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	- Không quá 20 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 10 ngày đối với công trình còn lại.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
37.	1,013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, - Dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, - Dự án nhóm C không quá 75 ngày.	
IV	LĨNH VỰC NHÀ Ở				
38.	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	07 ngày	3,5 ngày	
V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC				
39.	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	15 ngày.	7,5 ngày.	
40.	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày	
41.	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày	